

BỘ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2006/QĐ-BCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mẫu Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt (sau đây gọi là Hợp đồng) để áp dụng đối với các hợp đồng mua bán điện giữa các đơn vị bán lẻ điện (sau đây gọi là Bên bán điện) và khách hàng sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt (sau đây gọi là Bên mua điện).

Điều 2. Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng là tiếng Việt.

Thời hạn của Hợp đồng do hai bên thỏa thuận, tối đa là 05 năm và được gia hạn nếu hai bên không có yêu cầu chấm dứt hợp đồng.

Điều 3. Bên bán điện có trách nhiệm thông báo công khai tại trụ sở giao dịch về mẫu Hợp đồng mua bán điện, tổ chức in ấn hợp đồng theo mẫu, ký lại các Hợp

02696445

đồng mua bán điện sinh hoạt đã ký trước ngày Quyết định này có hiệu lực và hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2007.

Trường hợp Bên mua điện có nhu cầu ký lại hợp đồng sớm hơn thời gian theo kế hoạch của Bên bán điện thì Bên bán điện có trách nhiệm thỏa thuận để thực hiện ký lại hợp đồng. Trong thời gian chưa ký lại hợp đồng, các bên mua bán điện vẫn phải thực hiện các quy định của Luật Điện lực và Nghị định 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 53/2001/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành mẫu Hợp đồng mua bán điện sinh hoạt.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Giám đốc Sở Công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các đơn vị bán lẻ điện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Trung Hải

BỘ CÔNG NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/2006/QĐ-BCN
ngày 12 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., Ngày... tháng... năm...

HỢP ĐỒNG
MUA BÁN ĐIỆN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Mã số hợp đồng.....

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ giấy đăng ký mua điện ngày... tháng... năm... của Bên mua điện,

Chúng tôi gồm:

Bên bán điện:.....

Đại diện là ông (bà):..... Chức vụ:

Theo giấy ủy quyền số:..... ngày..... tháng..... năm.....

Do..... chức vụ..... ký.

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Số Fax: Email:.....

Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng:.....

Mã số thuế:.....

Số điện thoại nóng:

09696445

Bên mua điện:..... và..... hộ dùng chung theo danh sách đính kèm (nếu có).

Đại diện là ông (bà):

Số chứng minh thư.....

do Công an..... cấp ngày..... tháng..... năm

Theo giấy ủy quyền ngày..... tháng..... năm..... của:.....

.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:..... Email:.....

Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng:.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt tại địa chỉ:..... với những nội dung sau:

Điều 1. Chất lượng điện năng

1. Tần số:

Trong điều kiện bình thường: $50\text{Hz} \pm 0,2\text{Hz}$.

Trong trường hợp sự cố: $50\text{Hz} \pm 0,5\text{Hz}$.

2. Điện áp:

Trong điều kiện bình thường:..... $V \pm 5\%$.

Trong điều kiện lưới điện chưa ổn định sau sự cố:..... $V + 5\%$ đến -10% .

Điều 2. Thiết bị đo đếm điện:

1. Việc đo đếm điện được thực hiện bằng công tơ..... pha, đặt tại

.....

2. Thiết bị đo đếm điện được kiểm định theo quy định của pháp luật.

3. Các biên bản treo tháo thiết bị đo đếm điện được coi là phụ lục hợp đồng này.

Điều 3. Giá điện

Giá điện thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi giá điện thay đổi thì biểu giá mới được áp dụng và các bên không phải ký lại hợp đồng.

Tỷ lệ điện năng theo mục đích sử dụng khác (nếu có) được xác định trong Phụ lục hợp đồng.

Điều 4. Thanh toán tiền điện

1. Bên mua điện thanh toán tiền điện cho Bên bán điện mỗi tháng một lần bằng tiền Việt Nam theo hình thức (dịch vụ thẻ ATM, chuyển tiền vào tài khoản của Bên bán điện, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt):.....

Địa điểm thanh toán bằng tiền mặt

2. Thời hạn thanh toán:

Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên bán điện với lãi suất của số tiền chậm trả bằng mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

Điều 5. Ghi chỉ số công tơ

Bên bán điện ghi chỉ số công tơ vào ngày ấn định hàng tháng, có thể dịch chuyển ngày ghi chỉ số trước hoặc sau một ngày, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên bán điện

1. Được vào khu vực quản lý của Bên mua điện để kiểm tra, ghi chỉ số công tơ và liên hệ với khách hàng.

2. Ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định của pháp luật.

3. Đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên mua điện không sử dụng điện qua sáu tháng mà không thông báo trước cho Bên bán điện.

4. Bảo đảm lưới điện và các trang thiết bị điện vận hành an toàn, ổn định, tin cậy.

5. Bảo đảm cung cấp điện cho Bên mua điện đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn, trừ trường hợp lưới điện phân phối bị quá tải theo xác nhận của Cục Điều tiết điện lực hoặc cơ quan được ủy quyền.

6. Thông báo cho Bên mua điện biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất năm ngày bằng cách thông báo trong ba ngày liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng khi có kế hoạch ngừng, giảm mức cung cấp điện để sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, xây lắp các công trình điện.

7. Khôi phục kịp thời việc cấp điện cho Bên mua điện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua điện

1. Yêu cầu Bên bán điện: cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã thỏa thuận trong hợp đồng; kiểm tra chất lượng điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán; kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên bán điện kiểm tra, ghi chỉ số công tơ.

3. Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích. Thông báo cho Bên bán điện trước mười lăm ngày trong trường hợp thay đổi mục đích sử dụng điện dẫn đến thay đổi giá điện.

4. Thông báo ngay cho Bên bán điện khi phát hiện thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng hoặc nghi ngờ chạy không chính xác, khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản. Thông báo cho Bên bán điện biết trước năm ngày khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện, trước mười lăm ngày khi có nhu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán điện.

5. Chịu trách nhiệm quản lý đường dây dẫn điện từ sau công tơ mua điện đến nơi sử dụng điện. Không tự ý bán điện cho hộ sử dụng điện khác khi chưa có sự đồng ý của Bên bán điện.

6. Thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

7. Không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển hệ thống đo đếm điện sang vị trí khác phải được sự đồng ý của Bên bán điện và phải chịu toàn bộ chi phí di chuyển.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

1. Bên bán điện có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên mua điện trong các trường hợp sau:

a) Gây sự cố chủ quan trên lưới điện trực tiếp dẫn đến làm hư hỏng đường dây và thiết bị của Bên mua điện, mức bồi thường bằng giá trị bù đắp lại phần hư hỏng của đường dây và thiết bị trên cơ sở thỏa thuận với Bên mua điện;

b) Bán điện cao hơn giá quy định cho Bên mua điện, thì ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật phải bồi thường thiệt hại cho Bên mua điện, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá đã thu thừa cộng với lãi suất;

c) Ghi sai chỉ số công tơ hoặc sử dụng thiết bị đo đếm điện không đạt tiêu chuẩn

quy định dẫn đến thu tiền điện nhiều hơn số tiền Bên mua điện phải trả, mức bồi thường bằng khoản tiền thu thừa cộng với lãi suất;

d) Tính sai hóa đơn tiền điện gây thiệt hại cho Bên mua điện, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch do tính sai cộng với lãi suất.

Lãi suất của khoản tiền đã thu thừa tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này bằng mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

2. Bên mua điện có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên bán điện trong các trường hợp sau:

a) Gây sự cố cho lưới điện; làm hư hỏng thiết bị của Bên bán điện, mức bồi thường bằng giá trị bù đắp lại phần hư hỏng của lưới điện, thiết bị trên cơ sở thỏa thuận với Bên bán điện;

b) Sử dụng điện sai mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá trong thời gian vi phạm mục đích sử dụng điện cộng với lãi suất của khoản tiền chênh lệch đó. Mức lãi suất của khoản tiền chênh lệch bằng mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán;

c) Có hành vi trộm cắp điện dưới mọi hình thức thì ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật phải bồi thường thiệt hại cho Bên bán điện, mức bồi thường bằng giá trị phần điện năng lấy cắp nhân với mức giá điện sinh hoạt cao nhất.

3. Phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng

a) Bên bán điện chịu phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt bằng 8% số tiền bồi thường nếu vi phạm một trong các trường hợp tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

b) Bên mua điện chịu phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt bằng 8% số tiền bồi thường nếu vi phạm một trong các trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì có thể đề nghị Sở Công nghiệp tổ chức hòa giải. Trong trường hợp không đề nghị hòa giải hoặc hòa giải không thành, các bên có

quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trong thời gian chờ giải quyết, Bên mua điện vẫn phải thanh toán tiền điện và Bên bán điện không được ngừng cấp điện.

Điều 10. Những thỏa thuận khác

.....
.....
.....
.....
.....

Điều 11. Điều khoản thi hành

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày.... tháng.... năm.... và được gia hạn thêm..... nếu hai bên không có yêu cầu sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng.

Trong thời gian thực hiện, một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thay đổi hoặc bổ sung nội dung đã ký trong hợp đồng phải thông báo cho bên kia trước mười lăm ngày để cùng nhau giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

BÊN MUA ĐIỆN
(Ký và ghi rõ họ và tên)

BÊN BÁN ĐIỆN
(Ký tên, đóng dấu)